

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN SƠN TRÀ, TP. ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2025

V/ V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Thành

Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Ngọc Thảo Nguyễn – Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-HPT ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số C D, tổ A, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số C D, tổ A, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2024, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Q kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 04/9/1997). Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại 6 T, năm 2009 chuyển đến sống tại E T, T, H, Đà Nẵng, từ cuối năm 2015 đến nay chuyển đến cư trú tại 3 D, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Q rất nhiều lần có tình

cảm trai gái với nhiều người, không những phải lén lút mà luôn công khai mối quan hệ. Mỗi lần bị phát hiện ông Q luôn thề thốt sẽ không phạm sai lầm nữa và cam kết xin lỗi, bà đã đổi mặt với việc này không biết bao nhiêu lần, đây là nỗi đau, nỗi nhục mà bà phải cố nuốt vào trong lòng. Bà hy vọng ông Q thay đổi vì cần cho các con có đủ cha mẹ và vì sĩ diện hình ảnh cho gia đình nội ngoại hai bên mà bà luôn bỏ qua. Năm 2022, ông Q tiếp tục quan hệ bất chính với người phụ nữ khác để chồng người phụ nữ đó đến nhà la mắng trước mặt bà và con, tận cùng của sự chịu đựng bà không thể vì sĩ diện gia đình mà chịu đựng người chồng lăng nhăng vô trách nhiệm, ích kỷ như vậy nữa. Bà và ông Q đã ly thân, tuy ở cùng một nhà nhưng phận ai nấy lo không còn quan tâm lẫn nhau. Nay bà không còn tình cảm với ông Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

- Về quan hệ con chung: Bà H xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Trần Huệ N sinh ngày 01/10/2000 và Nguyễn Trần Quan N1 sinh ngày 01/10/2005. Ly hôn, các con chung đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

* *Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như bà H trình bày. Bà H xin ly hôn, ông xác định không còn tình cảm với bà H và cũng không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này nhưng do hiện nay các con đang đi học xa cần có thời gian chờ con về để giải quyết việc gia đình xong rồi mới tính đến chuyện ly hôn.

- Về con chung: Ông xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Trần Huệ N sinh ngày 01/10/2000 và Nguyễn Trần Quan N1 sinh ngày 01/10/2005, các con chung đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông xác nhận không có.

- Về quan hệ nợ chung: Ông xác nhận không có.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của bà Trần Thị H, xử cho bà Trần Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn Q. Đối với các con Nguyễn Trần Huệ N sinh ngày 01/10/2000 và Nguyễn Trần Quan N1 sinh ngày 01/10/2005 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung do bà H, ông Q xác nhận không có nên không đề cập đến. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Trần Thị H với bị đơn ông Nguyễn Văn Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt ông Q.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng (*theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 04/9/1997*). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, do đó đây là hôn nhân được đăng ký hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 6 T, năm 2009 chuyển đến sống tại E T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, từ cuối năm 2015 đến nay chuyển đến cư trú tại 3 D, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Q có tình cảm trai gái với nhiều người khác giới, không những lén lút mà luôn công khai mối quan hệ, nhiều lần bà khuyên ngăn vì các con và vì sĩ diện hình ảnh cho gia đình nội ngoại hai bên nên bà luôn bỏ qua nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Năm 2022, ông Q tiếp tục quan hệ bất chính với người phụ nữ khác để chồng người phụ nữ đó đến nhà la mắng trước mặt bà và con, bà không thể chịu đựng người chồng lăng nhăng vô trách nhiệm ích kỷ như vậy. Tuy sống chung một nhà nhưng bà và ông Q phẫn ai nấy lo không còn quan tâm lẫn nhau, bà không còn tình cảm với ông Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Q, còn ông Q khai ông xác định không còn tình cảm với bà H và cũng không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này nhưng do hiện nay các con đang đi học xa cần có thời gian chờ con về để giải quyết việc gia đình xong rồi mới tính đến chuyện ly hôn.

Xét thấy theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng*

nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” nhưng giữa vợ chồng bà H và ông Q đều không thực hiện được điều đó. Bà H khẳng định không còn yêu thương ông Q và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống. Ông Q cũng thừa nhận không còn tình cảm với bà H và không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này, việc ông Q cho rằng các con đang đi học xa cần có thời gian chờ con về để giải quyết việc gia đình xong rồi mới tính đến chuyện ly hôn nhưng ông không đưa ra được giải pháp nào để giải quyết việc gia đình. Mặt khác qua xác minh tại UBND phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Q như thế nào địa phương không rõ, bà H nộp đơn ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật mà giải quyết. Đồng thời Tòa án đã triệu tập tham gia xét xử nhưng ông Q không có mặt, như vậy xét thấy ông Q không có thiện chí để hàn gắn gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông Q đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn không còn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xử cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông Q có 02 con chung tên Nguyễn Trần Huệ N sinh ngày 01/10/2000 và Nguyễn Trần Quan N1 sinh ngày 01/10/2005. Ly hôn, các con chung đã đủ 18 tuổi nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Q đều trình bày không có, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Nếu sau này có tranh chấp về vấn đề tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị H phải chịu là 300.000 đồng.

[4] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Trần Thị H đối với ông Nguyễn Văn Q.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q (*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H đối với ông Nguyễn Văn Q nên Giấy chứng nhận kết hôn số 73 do U, quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/9/1997 không còn giá trị pháp lý*).

2. Về con chung: Đối với các con tên Nguyễn Trần Huệ N sinh ngày 01/10/2000 và Nguyễn Trần Quan N1 sinh ngày 01/10/2005 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Trần Thị H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà H đã nộp tại biên lai thu số 0003195 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Vũ